

# “Nội chiến ở Mỹ và nền độc lập Poland: Marx và chính trị giải phóng”

## I. Cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ ở Mỹ

Mùa xuân năm 1861, chính trường thế giới rung động bởi cuộc Nội chiến Mỹ bùng nổ. Nó bắt đầu ngay sau khi Abraham Lincoln được bầu làm Tổng thống Mỹ, khi bảy Quốc gia chiếm hữu nô lệ tuyên bố ly khai khỏi Mỹ gồm: Nam Carolina, Mississippi, Florida, Alabama, Georgia, Louisiana và Texas. Tiếp sau đó có sự tham gia của các bang Virginia, Arkansas, Tennessee, North Carolina và sau đó là Missouri và Kentucky (mặc dù hai bang sau không chính thức tuyên bố tách ra). Cuộc xung đột đẫm máu sau đó đã cướp đi sinh mạng của khoảng 750.000 người giữa *Confederate* (vốn ủng hộ việc duy trì và mở rộng chế độ nô lệ) và *Union* (các bang trung thành với Lincoln, mặc dù trong một số trường hợp, các bang vẫn coi chế độ nô lệ là hợp pháp).

Marx ngay lập tức bắt đầu nghiên cứu tình hình và vào đầu tháng 7, viết cho Engels: “Xung đột giữa Nam và Bắc... cuối cùng đã đến mức gay gắt (nếu chúng ta bỏ qua những yêu cầu mới của “nhu cầu mới” [1]) bởi trọng lượng mà sự phát triển phi thường của các Quốc gia Tây Bắc đã ném vào cân. ” Theo quan điểm của Marx, không thành phần nào của phong trào ly khai có tính hợp pháp; họ được coi là "kẻ soán ngôi", vì "không nơi nào họ cho phép người dân hàng loạt bỏ phiếu". Trong trường hợp này, vấn đề không chỉ là “sự ly khai khỏi miền Bắc, mà còn củng cố và tăng cường chế độ đầu sỏ của 300.000 lãnh chúa nô lệ ở miền Nam”[2] (Marx to Engels, 1 tháng 7 năm 1861, MECW 41: 300). Vài ngày sau, ông nhận thấy rằng “hoạt động ly khai [đã bị] trình bày sai trong các báo tiếng Anh”, vì ở khắp mọi nơi, ngoại trừ Nam Carolina, “có sự phản đối mạnh mẽ nhất đối với việc ly khai” (Marx to Engels, ngày 5 tháng 7 1861, MECW 41: 305). Hơn nữa, ở những nơi được phép tham vấn bầu cử - “chỉ một số” các Quốc gia trên Vịnh Mexico tổ chức một “cuộc bỏ phiếu phổ thông thích hợp” - diễn ra trong những điều kiện tồi tàn. Ví dụ như ở Virginia, “một khối lượng lớn quân của *Confederate* miền Nam đột nhiên được đưa vào lãnh thổ” và “dưới sự bảo vệ của họ (thực sự là người theo chủ nghĩa Bonaparti), họ đã bỏ phiếu đòi ly khai” - tuy nhiên đã có “50.000 phiếu bầu” cho *Union*, “bất chấp hệ thống khủng bố”. Texas, “sau Nam Carolina, [có] đảng nô lệ lớn nhất và chủ nghĩa khủng bố”, vẫn ghi nhận “11.000 phiếu bầu cho *Union*”. Ở Alabama, "không có cuộc bỏ phiếu phổ thông nào về ly khai hay về Hiến pháp mới", và đa số 61-39 đại biểu của hội nghị ủng hộ ly khai chỉ là do thực tế là theo Hiến pháp "mỗi chủ nô cũng bỏ phiếu cho 3/5 người nô lệ của mình”(Marx to Engels, 5 tháng 7 năm 1861, MECW 41: 306-307). Đối với Louisiana, phiếu bầu của *Union* nhiều hơn số phiếu ly khai được bỏ ra tại "cuộc bầu cử đại biểu tham dự đại hội", nhưng đủ số đại biểu để thay đổi cán cân (Marx to Engels, ngày 5 tháng 7 năm 1861, MECW 41: 307).

Những cân nhắc như vậy trong các bức thư của Marx gửi cho Engels đã được bổ sung bởi những lập luận thậm chí còn quan trọng hơn trong các tác phẩm báo chí của ông.

Ngoài những đóng góp lẻ tẻ cho tờ New-York Tribune, vào tháng 10 năm 1861, ông còn viết bằng tiếng Đức cho tờ Die Presse tự do của người Vienna, tờ báo với 30.000 người theo dõi, là tờ báo được đọc nhiều nhất ở Áo và là một trong những tờ phổ biến nhất ở bất cứ đâu.. Chủ đề chính của các bài báo này - cũng bao gồm các báo cáo về cuộc xâm lược Mexico lần thứ hai của Pháp - là những tác động kinh tế của cuộc chiến của Mỹ đối với Anh. Đặc biệt, Marx tập trung vào sự phát triển của thương mại và tình hình tài chính, cũng như đánh giá các xu hướng trong dư luận. Do đó, trong “Một cuộc họp của những người lao động ở London” (1862), ông đã bày tỏ sự vui mừng trước các cuộc biểu tình do công nhân Anh tổ chức, những người “không có tiếng nói trong Nghị viện”, đã cố gắng mang “ảnh hưởng chính trị” [3] của họ để gánh chịu và ngăn chặn việc quân sự Anh can thiệp chống lại *Union*

Tương tự, Marx đã viết một bài báo với các tin sốt cho tờ New-York Tribune sau vụ Trent Affair, khi Hải quân Mỹ bắt giữ bất hợp pháp hai nhà ngoại giao của *Confederate* miền Nam trên một con tàu của Anh. Ông viết, Mỹ không bao giờ nên quên “rằng ít nhất các tầng lớp lao động ở Anh [đã] không bao giờ từ bỏ đấu tranh cho *Union*. Đối với họ, do “mặc dù các thông tin độc hại được lan truyền của một cơ quan báo chí cho nên không một cuộc họp công khai nào của công nhân có thể được tổ chức ở Vương quốc Anh trong suốt thời kỳ mà hòa bình run rẩy trên cán cân”.[4] “Thái độ của các tầng lớp lao động Anh” càng được coi trọng hơn khi được đặt cùng với “hành vi đạo đức giả, bắt nạt, hèn nhát và ngu ngốc của quan chức John Bull”; một bên là sự táo bạo và nhất quán, một bên là sự không mạch lạc và tự mâu thuẫn. Trong một bức thư ông viết cho Lassalle vào tháng 5 năm 1861, ông nhận xét: “Tất nhiên, toàn bộ báo chí chính thức ở Anh đều ủng hộ các chủ nô. Họ là những người tự sướng đã làm rung chuyển thế giới bằng hoạt động từ thiện chống buôn bán nô lệ của họ. Nhưng bông, bông!” (Marx đến Lassalle, ngày 29 tháng 5 năm 1861, MECW 41: 291).

Sự quan tâm của Marx đối với Nội chiến vượt xa những hậu quả của nó đối với nước Anh; trên tất cả, ông ấy muốn làm sáng tỏ bản chất của cuộc xung đột. Bài báo mà ông viết cho tờ New-York Tribune vài tháng sau khi nó nổ ra là một ví dụ điển hình về điều này: “Người dân châu Âu biết rằng một cuộc chiến liên tục của *Union* là một cuộc chiến chống lại sự liên tục của chế độ nô lệ - trong trận chiến này, hình thức cao nhất của chính quyền tự trị phổ biến cho đến nay được ghi nhận là chiến đấu với hình thức nô dịch hèn hạ nhất và vô liêm sỉ nhất của con người được ghi trong biên niên sử”.[5]

Trong một số bài báo cho Die Presse, Marx đã phân tích sâu hơn các lý lẽ của hai phe đối lập. Ông bắt đầu bằng cách phân tích sự đạo đức giả của Đảng Tự do và Bảo thủ Anh. Trong “Nội chiến Bắc Mỹ” (25 tháng 10 năm 1861), ông đã chế giễu “khám phá xuất sắc” của tờ The Times, tờ nhật báo hàng đầu của Anh, rằng đó là “một cuộc chiến thuê quan đơn thuần, một cuộc chiến giữa một hệ thống bảo hộ và một hệ thống thương mại tự do”, ông kết luận rằng Anh không có lựa chọn nào khác ngoài tuyên bố ủng hộ “thương mại tự do” do *Confederate* miền Nam đại diện. Một số tờ tuần báo,

bao gồm The Economist và The Saturday Review, đã đi một bước xa hơn và khẳng định rằng “câu hỏi về chế độ nô lệ... hoàn toàn không liên quan gì đến cuộc chiến này”. [6]

Khi phản đối những cách giải thích của các báo Anh, Marx đã thu hút sự chú ý đến các động cơ chính trị đằng sau cuộc xung đột. Về phía các chủ nô ở miền Nam, ông nhận xét rằng mục đích chính của họ là duy trì quyền kiểm soát Thượng viện và do đó “ảnh hưởng chính trị đối với Mỹ”. Đối với điều này, cần phải chinh phục các vùng mới (như đã xảy ra vào năm 1845 với việc sáp nhập Texas) hoặc biến các vùng hiện có của Mỹ thành “các quốc gia nô lệ” [7]. Những người ủng hộ chế độ nô lệ ở Mỹ là “một chế độ đầu sỏ hẹp hòi [đã] đương đầu với hàng triệu người được gọi là người da trắng nghèo, con số những người này không ngừng tăng lên thông qua việc tập trung tài sản đất đai và chỉ có thể so được với những người dân La Mã trong thời kỳ La Mã suy tàn tột độ”. [8] Vì vậy, “việc mua lại và triển vọng giành được các lãnh thổ mới” của các chủ nô miền Nam là cách duy nhất có thể để cân bằng lợi ích của người nghèo da trắng với lợi ích của chủ nô, “để tạo cho họ những hành động không ngừng khát khao một hướng đi vô hại và để chế ngự họ với triển vọng của một ngày nào đó họ sẽ được trở thành chủ nô”. Mặt khác, Lincoln theo đuổi mục đích “giữ nguyên nghiêm ngặt chế độ nô lệ trong địa hình cũ của nó”, khiến nó “bị ràng buộc theo quy luật kinh tế để dẫn đến sự tuyệt chủng dần dần” và do đó tiêu diệt “quyền bá chủ” chính trị của “quốc gia nô lệ”. [9]

Marx đã sử dụng bài báo của mình để lập luận ngược lại: “Toàn bộ phong trào, như chúng ta thấy, dựa trên vấn đề nô lệ. Không phải ở khía cạnh liệu những nô lệ trong các quốc gia nô lệ hiện tại có nên được giải phóng hoàn toàn hay không, mà là liệu 20 triệu người dân miền Bắc tự do có nên phục tùng một chế độ đầu sỏ gồm 300.000 chủ nô hay không.” Điều đang bị đe dọa - và Marx dựa trên cái nhìn sâu sắc của ông về cơ chế bành trướng của hình thức kinh tế này - là “liệu các Lãnh thổ rộng lớn của nước cộng hòa nên là vườn ươm cho các quốc gia tự do hay cho chế độ nô lệ; [và] liệu chính sách quốc gia của *Union* có nên vũ trang phổ biến chế độ nô lệ ở Mexico, Trung và Nam Mỹ hay không”. [10]

Những đánh giá này làm nổi bật vực thẳm ngăn cách Marx với Giuseppe Garibaldi, người đã từ chối lời đề nghị đảm nhiệm chức vụ chỉ huy trong quân đội miền Bắc với lý do đây chỉ là một cuộc tranh giành quyền lực mà không liên quan đến việc giải phóng nô lệ. Về quan điểm của Garibaldi và nỗ lực thất bại của ông trong việc khôi phục hòa bình giữa hai bên, Marx nhận xét với Engels: “Garibaldi, tên khôn, đã tự lừa mình bằng bức thư gửi quân Yankees [11] để thúc đẩy hòa hợp” (Marx gửi Engels, ngày 10 tháng 6 năm 1861, MECW 41: 293). Trong khi Garibaldi không hiểu được các mục tiêu hoặc lựa chọn thực sự trong quá trình này thì Marx - với tư cách là một người không theo chủ nghĩa tối đa cảnh giác về những diễn biến lịch sử có thể xảy ra - ngay lập tức nhận thấy rằng kết quả của Nội chiến Mỹ sẽ mang tính quyết định trên quy mô thế giới và thiết lập đồng hồ lịch sử di chuyển dọc theo con đường của chế độ nô lệ hoặc của sự giải phóng.

Vào tháng 11 năm 1864, đối mặt với sự diễn ra nhanh chóng và kịch tính của các sự kiện, Marx đã yêu cầu chú của mình là Lion Philips phản ánh “tại thời điểm Lincoln được bầu cử [năm 1860], vấn đề chỉ là không nhượng bộ thêm cho các chủ nô, trong khi giờ đây, mục tiêu hàng mong đợi, một phần đã được hiện thực hóa, là xóa bỏ chế độ nô lệ”. Và ông nói thêm: “Người ta phải thừa nhận rằng chưa bao giờ một cuộc cách mạng khổng lồ lại xảy ra với tốc độ nhanh chóng như vậy. Nó sẽ có một ảnh hưởng rất có lợi cho toàn thế giới”(Marx nói với Lion Philips, 29 tháng 11 năm 1864, MECW 42: 48).

## II. Abraham Lincoln và Andrew Johnson

Việc Lincoln tái đắc cử vào tháng 11 năm 1864 đã tạo cơ hội cho Marx thay mặt Hiệp hội những người lao động quốc tế bày tỏ một thông điệp chúc mừng với ý nghĩa chính trị rõ ràng: “Nếu sự phản kháng với quyền chiếm hữu nô lệ là khẩu hiệu dành riêng cho cuộc bầu cử đầu tiên của ông, thì tiếng vang chiến thắng trong cuộc tái bầu cử của ông chính là cái chết cho chế độ nô lệ”. [12]

Một số đại diện của các giai cấp thống trị miền Nam đã tuyên bố rằng “chế độ nô lệ [là] một thể chế có lợi”, và thậm chí còn rao giảng rằng đó là “giải pháp duy nhất cho vấn đề lớn” mối quan hệ giữa lao động và tư bản” [13]. Do đó, Marx háo hức thẳng thắn thiết lập mọi thứ:

Các tầng lớp lao động ở châu Âu ngay lập tức hiểu ra, ngay cả trước khi đảng phái cuồng tín của các tầng lớp thượng lưu quyền quý của Confederate miền Nam đã đưa ra lời cảnh báo tội tộ của họ rằng cuộc nổi dậy của những người nô lệ là âm thanh cho một cuộc thập tự chinh thần thánh nói chung về tài sản chống lại lao động, và điều đó đối với những người đàn ông da trắng lao động, với hy vọng của họ về tương lai, thậm chí cả những cuộc chinh phục trong quá khứ của họ cũng đang bị đe dọa trong cuộc xung đột khủng khiếp đó ở bên kia Đại Tây Dương. [14]

Sau đó, Marx đề cập đến một vấn đề không kém phần quan trọng:

Trong khi những người lao động, quyền lực chính trị thực sự của miền Bắc, cho phép chế độ nô lệ làm ô nhiễm nền cộng hòa của chính họ; trong khi trước khi người da đen, bị làm chủ và bị bán mà không được sự đồng tình của anh ta, họ khoe rằng việc bán mình và chọn chủ của người da trắng là đặc quyền cao nhất của người lao động da trắng; nhưng, họ đã không thể đạt được tự do lao động thực sự hoặc hỗ trợ các anh em châu Âu của họ trong cuộc đấu tranh đòi giải phóng. [15]

Một điểm rất giống được đưa ra trong Tư bản, Tập I, nơi Marx mạnh mẽ nhấn mạnh rằng “tại Mỹ, mọi phong trào công nhân độc lập đều bị tê liệt chừng nào chế độ nô lệ làm biến dạng một bộ phận của nước cộng hòa. Lao động trong một làn da trắng không thể tự giải phóng khi nó được gắn với một làn da đen”. Tuy nhiên, “một cuộc

sống mới ngay lập tức nảy sinh từ cái chết của chế độ nô lệ. Thành quả đầu tiên của Nội chiến Mỹ là sự kích động ” trong tám tiếng một ngày. [16]

Marx nhận thức rõ quan điểm chính trị ôn hòa của Lincoln [17], Marx cũng không che đậy những định kiến về chủng tộc của một số đồng minh của mình. Nhưng ông luôn nhấn mạnh rõ ràng, không có bất kỳ chủ nghĩa bè phái nào, sự khác biệt giữa hệ thống nô lệ ở miền Nam và hệ thống dựa trên lao động làm công ăn lương ở miền Bắc. Ông hiểu rằng, ở Mỹ, các điều kiện đang phát triển để phá hủy một trong những tổ chức khét tiếng nhất thế giới. Việc chấm dứt chế độ nô lệ và áp bức chủng tộc sẽ cho phép phong trào công nhân toàn cầu hoạt động trong một khuôn khổ thuận lợi hơn cho việc xây dựng một xã hội không có giai cấp và một phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.[18]

Với suy nghĩ này, Marx đã soạn “Bài phát biểu của Hiệp hội Quốc tế Nam giới cho Tổng thống Johnson”, người đã kế nhiệm Lincoln sau khi ông bị ám sát vào ngày 14 tháng 4 năm 1865. Marx muốn nhắc Andrew Johnson rằng, với chức vụ tổng thống, ông đã nhận được “nhiệm vụ nhỏ theo luật những gì đã bị grom quật ngã”: nghĩa là “chủ trì công việc gian khổ là tái thiết chính trị và tái tạo xã hội...; mở đầu kỷ nguyên mới của quá trình giải phóng lao động”. [19]

Vài năm sau, Marx thay mặt Quốc tế gửi “Diễn văn cho Liên đoàn Lao động Quốc gia Mỹ” (1869). Ông đã nhận thức rõ - ông viết - rằng “sự đau khổ của các tầng lớp lao động đã tạo nên một lớp giấy bạc cho sự xa xỉ mới của giới quý tộc tài chính... và những con sâu bọ tương tự do chiến tranh sinh ra”. [20] Tuy nhiên, không nên quên rằng “Nội chiến đã đền bù cho Mỹ bằng cách giải phóng nô lệ và hậu quả là thúc đẩy về đạo đức”. “Về phía ông,” Marx kết luận, “phụ thuộc vào nhiệm vụ vinh quang là chứng minh cho thế giới thấy rằng cuối cùng thì giai cấp công nhân đang làm tốt nhất bối cảnh lịch sử không còn là những thuộc hạ đặc quyền mà là những chủ thể độc lập, có ý thức về trách nhiệm của mình”. [21]

### **III. Câu hỏi về cách mạng Ba Lan và vai trò phản động của Nga**

Đối với những đóng góp phân tích tốt đẹp mà Marx đã viết cho Die Presse, chỉ một phần trong số đó đã được xuất bản. Vào tháng 2 năm 1862, ông viết cho Engels rằng, “xét về tình trạng tồi tệ hiện nay của các vấn đề ở Đức”, nhật báo Viennese không phải là “con bò sữa mà lẽ ra phải có” để hỗ trợ tài chính khốn khó của ông. Các “nghiên cứu sinh” có lẽ chỉ in “một trong bốn” bài của ông, vì vậy ông không chỉ không kiếm đủ tiền để giảm bớt hoàn cảnh cho gia đình mình, ông còn bị “mất thời gian” và bức xúc khi “phải viết theo yêu cầu của họ để cho bài báo có dấu ấn riêng” (Marx to Engels, 25 tháng 2 năm 1862, MECW 41: 340). Vào tháng 4, Marx đã nhắc lại quan điểm này, trong một bình luận châm biếm mà ông gửi cho Engels: “Trong cuốn Khoa học mới của mình, Vico nói rằng Đức là quốc gia duy nhất ở châu Âu vẫn còn sử dụng ‘miệng lưỡi anh hùng’. Nếu ông ta có hân hạnh được làm quen với Vienna Presse hay Berlin National-Zeitung, thì người Neapolitan cũ sẽ từ bỏ ý tưởng định kiến này” (Marx to Engels, 28 tháng 4 năm 1862, MECW 41: 353-54). Đến cuối

năm 1862, Marx quyết định ngừng cộng tác với tờ báo Áo. Trong khoảng thời gian hơn một năm, ông đã xuất bản được tổng cộng 52 bài báo, một số bài báo được viết với sự trợ giúp của Engels.

Mặc dù các sự kiện làm rung chuyển nước Mỹ là mối bận tâm chính của Marx trong chính trị quốc tế, nhưng trong phần đầu của những năm 1860, ông cũng quan tâm đến tất cả những diễn biến chính ở Nga và Đông Âu. Trong một bức thư vào tháng 6 năm 1860 cho Lassalle, Marx đã đưa ra một số điểm liên quan đến một trong những trọng tâm chính trị chính của ông: sự phản đối của ông đối với Nga và các đồng minh của nước này là Henry Palmerston và Louis Bonaparte. Ông cố gắng thuyết phục Lassalle rằng không có gì bất hợp pháp trong sự hội tụ giữa các vị trí của "đảng" của họ và của David Urquhart, một chính trị gia Tory có quan điểm lãng mạn. Liên quan đến Urquhart, vì mục đích chống Nga và chống phát Tự do. Lassalle - người đã có công xuất bản lại các bài báo của Marx chống lại Palmerston đã xuất hiện trên cơ quan chính thức của các báo Anh vào đầu những năm 1850 [22] – Marx viết: “Ông ấy... phản động một cách chủ quan ... Điều này không cách nào ngăn cản sự vận động trong chính sách đối ngoại mà ông là người đứng đầu, khỏi một cách khách quan mang tính cách mạng. Điều đó đối với tôi là một vấn đề hoàn toàn thờ ơ, giống như trong cuộc chiến chống lại Nga, mà nói, đó là một vấn đề thờ ơ đối với ông cho dù động cơ của người láng giềng của ông trong vụ nổ súng, khi bắn vào người Nga, là màu đen, đỏ và vàng [tức là, theo chủ nghĩa dân tộc] hoặc cách mạng ” [23] . Marx tiếp tục: “Không cần phải nói rằng, trong chính sách đối ngoại, có rất ít lợi ích khi sử dụng những câu cửa miệng như ‘ phản động ’ và ‘ cách mạng ’”[24] (Marx to Lassalle, 1 hoặc 2 tháng 6 năm 1860, MECW 41: 153).

Luôn đề ý đến những dấu hiệu của một cuộc nổi dậy có thể hạn chế vai trò phản động của Nga trong nền chính trị châu Âu, Marx đã viết cho Engels vào đầu năm 1863 (ngay sau cuộc nổi dậy tháng Giêng của Ba Lan và lời đề nghị giúp đỡ ngay lập tức của Bismarck trong việc trấn áp nó) rằng “thời đại của cuộc cách mạng giờ đây đã mở ra ở châu Âu một lần nữa ”(Marx to Engels, 13 tháng 2 năm 1863, MECW 41: 453). Và bốn ngày sau, ông phản ánh: “Việc kinh doanh của Ba Lan và sự can thiệp của Phổ thực sự thể hiện một sự kết hợp thúc đẩy mà chúng ta phải nhắc đến.” (Marx to Engels, 17 tháng 2 năm 1863, MECW 41: 455).[25]

Với tầm quan trọng của những sự kiện này, Marx không nghĩ rằng việc họ chỉ lên tiếng thông qua các bài báo đã xuất bản là đủ. Do đó, ông đề nghị ban hành ngay một bản tuyên ngôn nhân danh Hiệp hội Giáo dục Công nhân Đức ở London, tổ chức này vẫn gắn gũi với các quan điểm chính trị của ông. Điều này sẽ giúp ông có vỏ bọc trong trường hợp ông tiếp tục với ý định xin nhập quốc tịch Đức và “trở lại Đức”. Engels được cho là viết "phần quân sự" của văn bản nhỏ này, tập trung vào "lợi ích quân sự và chính trị của Đức trong việc khôi phục Ba Lan", trong khi ông sẽ đảm nhận "phần ngoại giao" (Marx gửi Engels, ngày 17 tháng 2 năm 1863, MECW 41: 455). Vào ngày 18 tháng 2 năm 1863, Hạ viện Phổ lên án chính sách của chính phủ và thông qua một nghị quyết ủng hộ trung lập, Marx đã bùng lên với sự nhiệt tình:

“Chúng ta sẽ sớm có cuộc cách mạng” (Marx to Engels, 21 tháng 2 năm 1863, MECW 41: 461) . Như ông đã thấy, câu hỏi của người Ba Lan đưa ra “cơ hội tiếp theo để chứng minh rằng không thể truy tố các lợi ích của Đức chừng nào nhà nước của chính Hohenzollerns vẫn tiếp tục tồn tại” (Marx to Engels, 24 tháng 3 năm 1863 MECW 41: 462). Lời đề nghị hỗ trợ của Bismarck đối với Sa hoàng Alexander II, hoặc sự ủy quyền của ông cho "Phổ coi lãnh thổ [Ba Lan] của mình là của Nga", đã tạo thêm động lực chính trị cho Marx để hoàn thành kế hoạch của mình.[26]

Do đó, chính trong thời kỳ này, Marx đã bắt tay vào một dự án nghiên cứu kỹ lưỡng khác của mình. Trong một lá thư gửi cho Engels vào cuối tháng 5, ông báo cáo rằng trong những tháng trước - ngoài kinh tế chính trị - ông đã nghiên cứu các khía cạnh của câu hỏi Ba Lan; điều này đã giúp ông ta “lấp đầy những khoảng trống trong kiến thức của về ngoại giao, lịch sử, về mối quan hệ Nga-Phổ-Ba Lan” (Marx to Engels, 29 tháng 5 năm 1863, MECW 41: 474). Vì vậy, từ tháng 2 đến tháng 5, ông đã viết một bản thảo có tựa đề “Ba Lan, Phổ và Nga” (1863), trong đó ghi lại rất rõ sự khuất phục trong lịch sử của Berlin đối với Moscow. Đối với Hohenzollerns, “sự tiến bộ của Nga đại diện cho quy luật phát triển của Phổ”; “Không có Phổ mà không có Nga”. Đối với Marx, ngược lại, “việc khôi phục Ba Lan có nghĩa là tiêu diệt nước Nga ngày nay, hủy bỏ nỗ lực giành quyền bá chủ [27] toàn cầu của nước này”. Vì lý do tương tự, “sự hủy diệt của Ba Lan, sự tiêu diệt của nó cho Nga, [có nghĩa là] sự suy tàn nhất định của nước Đức, sự sụp đổ của con đập duy nhất ngăn chặn đại hồng thủy Slav” [28]. Các văn bản kế hoạch của Marx không bao giờ nhìn thấy ánh sáng trong ngày. Nhân dịp này, trách nhiệm rõ ràng thuộc về Engels (người đã viết phần quan trọng nhất, về các khía cạnh quân sự), trong khi “phần ngoại giao” của Marx, điều mà ông “sẵn sàng thực hiện bất cứ lúc nào”, là “chỉ một phụ lục” (Marx to Engels, 20 tháng 2 năm 1863, MECW 41: 458). Tuy nhiên, vào tháng 10, Marx đã quản lý để xuất bản “Tuyên ngôn về Ba Lan của Hiệp hội Giáo dục Công nhân Đức ở Luân Đôn” (1863), giúp gây quỹ cho những người đấu tranh cho tự do Ba Lan. Nó bắt đầu bằng một tuyên bố vang dội: “Câu hỏi Ba Lan là câu hỏi Đức. Nếu không có một nước Ba Lan độc lập thì không thể có nước Đức độc lập và thống nhất, không có sự giải phóng nước Đức khỏi ách thống trị của Nga bắt đầu từ sự phân chia đầu tiên của Ba Lan ”[29]. Đối với Marx, trong khi “giai cấp tư sản Đức im lặng, thụ động và thờ ơ, trước sự tàn sát của dân tộc anh hùng mà một mình vẫn bảo vệ thì “giai cấp công nhân Anh”, “đã giành được danh dự lịch sử bắt từ cho chính mình bằng cách ngăn chặn những nỗ lực lặp đi lặp lại của các giai cấp thống trị nhằm can thiệp thay mặt cho các chủ nô Mỹ”, sẽ tiếp tục chiến đấu cùng với quân nổi dậy Ba Lan. [30]

Cuộc đấu tranh kéo dài hơn một năm này là cuộc đấu tranh lâu nhất từng được tiến hành chống lại sự chiếm đóng của Nga. Nó chỉ kết thúc vào tháng 4 năm 1864, khi những người Nga, đã hành quyết các đại diện của chính phủ cách mạng, cuối cùng đã dập tắt cuộc nổi dậy. Vào tháng 5, quân đội Nga cũng đã hoàn thành việc sát nhập bắc Kavkaz, chấm dứt một cuộc chiến tranh đã bắt đầu vào năm 1817. Một lần nữa, Marx thể hiện cái nhìn sâu sắc, và không giống như "phần còn lại của châu Âu" - nơi "quan sát với sự thờ ơ ngu ngốc" - ông coi “sự đàn áp của cuộc nổi dậy Ba Lan và sự sáp

nhập của Caucasus” là “hai sự kiện quan trọng nhất đã diễn ra ở châu Âu kể từ năm 1815” (Marx to Engels, 7 tháng 6 năm 1864, MECW 41: 538).

#### **IV. Sự hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của Ba Lan trong và sau Quốc tế**

Marx tiếp tục bận rộn với câu hỏi Ba Lan, câu hỏi đã được đưa ra tranh luận nhiều lần trong Quốc tế. Trên thực tế, cuộc họp trụ bị quan trọng nhất của ngày thành lập Quốc tế đã diễn ra vào tháng 7 năm 1863 và được tổ chức bởi vì một số tổ chức của công nhân Pháp và Anh đã đặc biệt nhóm họp tại London để bày tỏ tình đoàn kết với nhân dân Ba Lan chống lại sự chiếm đóng của Nga hoàng.

Sau đó, ba tháng sau khi Quốc tế ra đời, tại cuộc họp của Ủy ban Thường vụ Đại hội đồng tổ chức vào tháng 12 năm 1864, nhà báo Peter Fox đã lập luận trong bài diễn văn của mình tại Ba Lan rằng “người Pháp [theo truyền thống] có thiện cảm hơn [với người Ba Lan] hơn người Anh”. Marx đã không phản đối điều này, nhưng, như ông viết cho Engels, sau đó ông đã “mở ra một bức tranh cổ động lịch sử không thể chối cãi về sự phản bội liên tục của Pháp đối với Ba Lan từ Louis XV đến Bonaparte III”. Chính trong bối cảnh đó, ông đã soạn thảo một bản thảo mới, mà sau này được gọi là “Ba Lan và Pháp” (1864). Được viết bằng tiếng Anh, nó bao gồm khoảng thời gian từ Hòa bình Westphalia, năm 1648, đến năm 1812.

Một năm sau, vào tháng 9 năm 1865, ngay sau khi Hội nghị Quốc tế tổ chức ở London, Marx đã đề xuất một dự thảo chương trình nghị sự cho chính sách đối ngoại của phong trào lao động ở châu Âu. Là một trong những ưu tiên của nó, ông chỉ ra “sự cần thiết phải loại bỏ ảnh hưởng của người Muscovite ở châu Âu bằng cách áp dụng quyền tự quyết của các quốc gia, và tái lập Ba Lan trên cơ sở dân chủ và xã hội” (Marx gửi Hermann Jung, ngày 20 tháng 11 1865, MECW 42: 400). Phải mất nhiều thập kỷ điều này mới xảy ra.

Marx tiếp tục ủng hộ chính nghĩa của Ba Lan sau khi Quốc tế giải thể. Vào mùa thu năm 1875, ông được yêu cầu phát biểu tại một cuộc họp về việc giải phóng Ba Lan nhưng ông đã phải từ chối vì tình trạng sức khỏe của mình quá tệ. Trong lá thư giải thích sự vắng mặt của mình mà ông gửi cho nhà hoạt động chính trị và công luận Pyotr Lavrov, ông nói rõ rằng, nếu ông có một bài phát biểu, ông chỉ có thể khẳng định lại vị trí mà mình đã nắm giữ trong hơn ba mươi năm - rằng “giải phóng Ba Lan là một trong những điều kiện tiên quyết để giải phóng giai cấp công nhân ở châu Âu” (Marx gửi PL Lavrov, ngày 3 tháng 12 năm 1875, MECW 45: 111).

Trường hợp của Ba Lan chứng tỏ rằng Marx, khi đối mặt với những sự kiện lịch sử lớn ở những nơi xa xôi khác nhau, đã có thể nắm bắt được những gì đang xảy ra trên thế giới và góp phần vào sự biến đổi của nó. Quan điểm quốc tế chủ nghĩa này cần được phục hồi khẩn cấp bởi các phong trào cánh tả ngày nay.

#### **Ghi chú và tài liệu tham khảo**

[1] This was the name that Marx used to refer to the Southern plantation owners.



- [2] The 1860 Census, with which Marx was not familiar at the time of writing, recorded a little over 394,000 slaveowners, or 8 per cent of American families. The number of slaves, however, totalled 3,950,000. See United States Census Office (1866): “Population of the United States in 1860, Compiled from the Original Returns of the Eighth Census Under the Secretary of the Interior”, Washington: Government Printing Office.
- [3] Marx, Karl (2 February 1862), “A London Workers’ Meeting”, *Die Presse*, MECW 19: 153.
- [4] Marx, Karl (1 February 1862), “English Public Opinion”, *New-York Daily Tribune*, MECW 19: 137.
- [5] Marx, Karl (7 November 1861), “The London *Times* on the Orleans Princes in America”, *New-York Daily Tribune*, MECW 19: 30. On Marx’s thinking with regard to slavery, see Backhaus, Wilhelm (1974), *Marx, Engels und die Sklaverei*, Düsseldorf: Schwann.
- [6] Marx, Karl (25 October 1861), “The North American Civil War”, *Die Presse*, MECW 19: 32-33.
- [7] Marx, Karl (25 October 1861), “The North American Civil War”, *Die Presse*, MECW 19: 33.
- [8] Marx, Karl (25 October 1861), “The North American Civil War”, *Die Presse*, MECW 19: 40-41.
- [9] Marx, Karl (25 October 1861), “The North American Civil War”, *Die Presse*, MECW 19: 41.
- [10] Marx, Karl (25 October 1861), “The North American Civil War”, *Die Presse*, MECW 19: [11] On the “inherently expansionist character of Southern slavery”, see Blackburn, Robin (2011), *An Unfinished Revolution: Marx and Lincoln*, London: Verso, p. 21.
- [12] Translation modified.
- [13] Marx, Karl (23 December 1864), “To Abraham Lincoln, President of the United States of America”, *The Daily News*, MECW 20: 19.
- [14] Marx, Karl (23 December 1864), “To Abraham Lincoln, President of the United States of America”, *The Daily News*, MECW 20: 19. Marx was quoting here from the speech by slaveholder A. Stephens in Savannah, on 21 March 1861, which was published in the *New-York Daily Tribune* on 27 March 1861.
- [15] Marx, Karl (23 December 1864), “To Abraham Lincoln, President of the United States of America”, *The Daily News*, MECW 20: 20.
- [16] Marx, Karl (23 December 1864), “To Abraham Lincoln, President of the United States of America”, *The Daily News*, MECW 20: 20.
- [17] Marx, Karl (1976), *Capital, Volume I*, Penguin Books, p. 414.
- [18] On the differences between the two, see also the recent work: Kulikoff, Allan (2018), *Abraham Lincoln and Karl Marx in Dialogue*, New York: Oxford University Press.
- [19] Cf. Blackburn, Robin (2011), *An Unfinished Revolution: Marx and Lincoln*, London: Verso, p. 13: “Đánh bại quyền làm chủ nô lệ và giải phóng nô lệ sẽ không tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, nhưng nó sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn nhiều để tổ chức và nâng cao lao động, dù là người da trắng hay da đen. Marx miêu tả những chủ nô giàu có giống như những người quý tộc ở châu Âu, và việc loại bỏ họ như một nhiệm vụ

cho loại cuộc cách mạng dân chủ mà ông đã ủng hộ trong Tuyên ngôn Cộng sản là mục tiêu trước mắt của những người cách mạng Đức.”

[20] Marx, Karl (20 May 1865), “Address from the Working Men’s International Association to President Johnson”, *The Bee-Hive Newspaper*, MECW 20: 100.

[21] Marx, Karl, “Address to the National Labour Union of the United States”, in Musto, Marcello (2014), *Workers Unite! The International 150 Years Later*, London: Bloomsbury, p. 259.

[22] Marx, Karl, “Address to the National Labour Union of the United States”, in Musto, Marcello (2014), *Workers Unite! The International 150 Years Later*, London: Bloomsbury, p. 260.

See Marx, Karl (1853), “Lord Palmerston”, MECW 12: 341-406.

[23] Marx to Lassalle, 1 or 2 June 1860, MECW 41:152-53. Among the numerous studies dedicated to Marx’s political conception of Russia, see Rjasanow, Dawid (1909), “Karl Marx über den Ursprung der Vorherrschaft Russland in Europa”, *Die Neue Zeit*, 1909/5, pp. 1-64; and Rabehl, Bernd (1977), ‘Die Kontroverse innerhalb des russischen Marxismus über die asiatischen und westlich-kapitalistischen Ursprünge der Gesellschaft, des Kapitalismus und des zaristischen Staates in Russland’, in Wolter, Ulf (1977), *Karl Marx. Die Geschichte der Geheimdiplomatie des 18. Jahrhunderts. Über den asiatischen Ursprung der russischen Despotie*. Berlin: Olle & Wolter, pp. 112-78. See also Bongiovanni, Bruno (1989), *Le repliche della storia*, Turin: Bollati Boringhieri, especially pp. 171-89.

[24] Cf. Musto, Marcello (2018), *Another Marx: Early Manuscripts to the International*, London–New York: Bloomsbury, p. 132.

[25] See also Marx to Engels, 20 February 1863, MECW 41: 458, and Engels to Marx, 21 February 1863, MECW 41: 459.

[26] Marx, Karl (1981), *Manoscritti sulla questione polacca (1863-1864)*, Florence: La Nuova Italia, p. 89. For a thematically organized collection of all Marx’s manuscripts on Poland, see Marx, Karl (1961), *Manuskripte über die polnische Frage (1863-1864)*, S’-Gravenhage: Mouton & co. And for a chronological edition based on date of composition, see Marx, Karl (1971), *Przyczynki do historii kwestii polskiej. Rękopisy z lat 1863 -1864 / Beiträge zur Geschichte der polnischen Frage. Manuskripte aus den Jahren 1863-1864*, Warsaw: Książka i Wiedza.

[27] Marx, Karl (1981), *Manoscritti sulla questione polacca (1863-1864)*, p. 7.

[28] Marx, Karl (1981), *Manoscritti sulla questione polacca (1863-1864)*, p. 7. See Bongiovanni, Biagio, “Introduzione” in Marx, Karl (1981), *Manoscritti sulla questione polacca (1863-1864)*: “Đôi với Marx, một người say mê quan sát quốc tế, giải pháp cho các vấn đề bị ràng buộc ở một mức độ nào đó với sự bèn bĩ nguy hiểm của các đặc điểm cổ xưa không dễ bị ảnh hưởng bởi tiến bộ xã hội... là một cách sơ khai cho cuộc đấu tranh cuối cùng, nghĩa là giải quyết. mâu thuẫn đặc thù của thế giới do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thống trị”, p. xxv.

[29] Marx, Karl (November 1863), “Proclamation on Poland by the German Workers’ Educational Society in London”, in MECW 19: 296.

[30] Marx, Karl (November 1863), “Proclamation on Poland by the German Workers’ Educational Society in London”, in MECW 19: 297.